

THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐHQGHN

Phạm Thị Thu Hoa

Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng nghiên cứu khoa học (NCKH) là một thành tố quan trọng trong năng lực nghề nghiệp của người kỹ sư, bác sĩ, thầy cô giáo... Nếu yếu hoặc thiếu kỹ năng này thì hoạt động nghề nghiệp của sinh viên cũng như học viên sau đại học sau này sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Điều 36 Luật giáo dục (1998) khẳng định: "đào tạo trình độ đại học phải đảm bảo cho sinh viên có kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh; có phương pháp làm việc khoa học; có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn; "Phương pháp giáo dục đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng".

Trong những năm vừa qua, hoạt động NCKH trong nhà trường được đẩy mạnh. Không chỉ có sinh viên tham gia NCKH mà còn có cả học viên sau đại học. Tuy nhiên, hoạt động NCKH của học viên sau đại học mới chỉ dừng lại ở các học viên là cán bộ của Trường. Kết quả NCKH của học viên vẫn còn nhiều hạn chế so với mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Chính vì vậy, việc rèn luyện cho học viên kỹ năng NCKH, làm cơ sở đẩy mạnh phong trào thi đua NCKH, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học trong nhà trường, là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Theo các nhà tâm lý học, để có năng lực về một lĩnh vực hoạt động nào đó, con người phải có được những tri thức, kỹ năng kỹ xảo cần thiết về lĩnh vực hoạt động đó. Vì vậy, muốn có năng lực NCKH thì đòi hỏi phải có những kỹ năng NCKH phù hợp với yêu cầu của hoạt động NCKH.

Mỗi hoạt động bao gồm trong nó nhiều hành động với nhiều phương pháp, cách thức thực hiện khác nhau. Kỹ năng của một hoạt động nào đó là

phức hợp, bao gồm nhiều kỹ năng thành phần, có quan hệ chặt chẽ với nhau trong cấu trúc của hoạt động.

Theo chúng tôi, *kỹ năng NCKH là phương pháp - cách thức thực hiện các công đoạn trong hoạt động NCKH. Nói một cách rõ hơn, đó chính là phương pháp và cách tiến hành một đề tài NCKH theo một trình tự hợp logic và phù hợp với những điều kiện cho phép; nhằm đạt được mục tiêu mong muốn.*

Từ khái niệm trên cho thấy: kỹ năng nghiên cứu khoa học bao gồm một tổ hợp các cách thức nghiên cứu, với nhiều mức độ phức tạp mà người nghiên cứu phải thực hiện. Hệ thống kỹ năng này bao gồm những kỹ năng như nghiên cứu tài liệu, tổ chức thực nghiệm, kỹ năng tư duy logic tìm ra cách lập luận mới, trình bày một công trình nghiên cứu hoàn chỉnh.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu: 235 học viên cao học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu tâm lý như: điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu sản phẩm hoạt động, quan sát, phỏng vấn sâu... Các số liệu thu thập được xử lý trên chương trình SPSS 10.0 và các công thức toán học để xử lý số liệu nghiên cứu.

3. Thực trạng việc rèn luyện kỹ năng NCKH của học viên sau đại học

3.1. Thực trạng kỹ năng NCKH của học viên

Để tìm hiểu thực trạng kỹ năng NCKH của học viên sau đại học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, chúng tôi dựa vào các tiêu chí sau: Thành phần nhận thức; Thành phần thiết kế; Thành phần kết cấu; Thành phần giao tiếp và Thành phần tổ chức nghiên cứu.

Bảng 1: Nhận thức của học viên về nghiên cứu một đề tài khoa học

Nội dung	Mức độ					
	A		B		C	
	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)
Biết xác định mục đích, nhiệm vụ và các yêu cầu của đề tài NC	144	61	89	37,9	2	0,9
Biết qui trình (các bước) thực hiện một đề tài NC	137	58,3	92	39,1	6	2,6
Biết nhận ra các ưu, nhược điểm của khách thể NC	66	28,1	154	65,5	15	6,4
Biết nhận thấy trước những	104	44,3	110	46,8	21	8,9

thuận lợi và khó khăn trong quá trình NC						
Biết nhận ra các ưu, nhược điểm của đối tượng NC	65	27,9	150	64,4	18	7,7
Thành phần nhận thức	38	16,2	196	83,4	1	0,4

Chú thích: Mức A: Làm tốt, có thể thực hiện công việc một cách độc lập;

Mức B: Biết làm, thực hiện các công việc và các thao tác còn lúng túng;

Mức C: Hoàn toàn chưa biết làm.

(Chú thích này dùng cho cả các bảng 2,3,4,5).

Ở thành phần nhận thức trong kỹ năng NCKH của học viên, kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy, đa số học viên tự đánh giá ở mức B (biết làm, thực hiện các công việc và các thao tác còn lúng túng), số này chiếm tỷ lệ 83,4%. Tiếp đến có 16,2% tự xếp ở mức A (làm tốt, có thể thực hiện công việc một cách độc lập). Chỉ có 0,4% tự xếp ở mức C (hoàn toàn chưa biết làm).

Như vậy, phần lớn học viên cao học đã nhận thức rõ những yêu cầu cơ bản của việc nghiên cứu một vấn đề, một đề tài NCKH. Tuy nhiên, qua trao đổi trực tiếp với một số học viên trong diện khảo sát, chúng tôi thấy rằng: nhận thức của học viên về một số yêu cầu của việc nghiên cứu một đề tài khoa học còn thiếu tính thống nhất. Chẳng hạn: việc xác định các bước và những yêu cầu cụ thể ở từng bước; ngay cả việc xác định giả thuyết khoa học, mục đích nghiên cứu đề tài... vẫn còn có những cách hiểu khác nhau.

Bảng 2: Kỹ năng thiết kế trong kỹ năng NCKH của học viên

Nội dung	Mức độ					
	A		B		C	
	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)
Biết thiết kế đề tài NC trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên	120	51,1	106	45,1	9	3,8
Biết thiết kế các mẫu phiếu điều tra, tiến hành điều tra và thực nghiệm	67	28,5	128	54,5	40	17
Biết dự kiến các kết quả nghiên cứu của đề tài	58	24,7	145	61,7	32	13,6
Biết thiết kế hoàn chỉnh luận văn theo yêu cầu về nội dung và hình thức của nó	108	46	112	47,7	15	6,4
Thành phần thiết kế	21	8,9	214	91,1		

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy, 91,1% số học viên tự đánh giá ở mức B, chỉ có 8,9% số học viên đánh giá ở mức A; không có ai ở mức C. Kỹ năng thiết kế trong kỹ năng NCKH của học viên đạt ở mức B (biết làm) và được thể hiện một cách khá đồng đều ở các kỹ năng cụ thể.

Tuy nhiên, qua trò chuyện trao đổi với học viên, chúng tôi nhận thấy, kỹ năng thiết kế của học viên cao học giữa hai khoá 2005 và 2006 có sự khác nhau về trình độ. Cụ thể là trình độ thiết kế của học viên cao học khoá 2005 cao hơn học viên khoá 2006. Sở dĩ như vậy là vì học viên khoá 2005 mặc dù chưa trải qua giai đoạn viết luận văn thạc sĩ, nhưng trong quá trình học họ đã có những điều kiện và cơ hội tham gia vào các hoạt động NCKH như: viết tiểu luận, viết bài đăng tạp chí, viết báo cáo tham gia hội thảo khoa học, tham gia NCKH của Trường hay ở cơ quan nơi họ công tác. Thông qua các hoạt động như vậy đã có ảnh hưởng rất tích cực đến khả năng thiết kế trong kỹ năng NCKH của học viên.

Bảng 3: Kỹ năng kết cấu vấn đề nghiên cứu trong kỹ năng NCKH của học viên

Nội dung	Mức độ					
	A		B		C	
	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)
Lựa chọn, thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến đề tài	120	51,1	102	43,4	13	5,5
Lập luận các vấn đề đề xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài	79	33,6	137	58,3	19	8,1
Trình bày lý luận theo các quan điểm khác nhau và quan điểm của bản thân	74	31,5	138	58,7	23	9,8
Trình bày nội dung bằng bảng biểu, sơ đồ, đồ thị	99	42,1	105	44,7	31	13,2
Tóm tắt khái quát các nội dung NCKH	126	53,6	98	41,7	11	4,7
Thành phần kết cấu	30	12,8	171	72,8	34	14,5

Thành phần kết cấu là một trong những thành phần quan trọng trong kỹ năng NCKH của học viên. Xét chung cả 5 loại kỹ năng trong thành phần kết cấu, đa số học viên cho rằng kỹ năng kết cấu của mình đạt ở mức độ B (72,8%); chỉ có 12,8% đạt ở mức A và 14,5% đạt mức C.

Xét từng kỹ năng riêng biệt chúng tôi nhận thấy: Kỹ năng lựa chọn, thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng tóm tắt khái quát các nội dung NCKH ở học

viên sau đại học ở mức khá cao (51,1% và 53,6%). Các kỹ năng còn lại chủ yếu được học viên đánh giá là ở mức B.

Kỹ năng giao tiếp là một thành phần không thể thiếu trong kỹ năng NCKH. Thông qua giao tiếp, người nghiên cứu không chỉ thu thập được những thông tin cần thiết cho những vấn đề mình nghiên cứu mà còn thể hiện kết quả nghiên cứu của mình.

Bảng 4: Kỹ năng giao tiếp trong kỹ năng NCKH của học viên

Nội dung	Mức độ					
	A		B		C	
	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)
Lỗi cuốn, động viên, khuyến khích khách thể trong quá trình NC	64	27,5	138	58,7	33	14
Tranh thủ ý kiến của mọi người để tiếp cận đối tượng NC	79	33,6	137	58,3	19	8,1
Tranh luận các vấn đề NC trước tập thể học viên và giảng viên	71	30,2	132	56,2	32	13,6
Thể hiện tình cảm, trách nhiệm về kết quả NC của mình trước tập thể	102	43,4	120	51,1	13	5,5
Đưa ra những câu hỏi cho giảng viên	72	30,6	134	57	29	12,3
Thành phần giao tiếp	21	8,9	163	69,4	51	21,7

Kỹ năng giao tiếp của học viên đều được đa số học viên đánh giá ở mức độ B (69,4%).

Trò chuyện với một số học viên hai khoá 2005 và 2006, chúng tôi được biết: kỹ năng giao tiếp ở học viên sau đại học sở dĩ được đánh giá chủ yếu ở mức độ B là vì:

Thứ nhất, điều kiện, môi trường giao tiếp trong quá trình học tập, NCKH của học viên có những khó khăn riêng do yêu cầu của qui định, qui chế. Trong điều kiện, môi trường như vậy đã làm giảm đi nhiều tính năng động trong hoạt động quan hệ giao tiếp nói chung, trong hoạt động NCKH nói riêng.

Thứ hai, trong quá trình nghiên cứu, một số học viên còn có những biểu hiện tâm lý e ngại trong quan hệ, giao tiếp; trong trao đổi, tranh luận về những nội dung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Để đánh giá thực trạng thành phần tổ chức nghiên cứu, chúng tôi dựa vào số liệu thu được ở bảng 5.

Bảng 5: *Kỹ năng tổ chức nghiên cứu trong NCKH của học viên*

Nội dung	Mức độ					
	A		B		C	
	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)	Mẫu (235)	Kết quả (%)
Tiến hành NC theo đúng kế hoạch và qui trình NC	107	45,5	115	48,9	13	5,5
Tổ chức và điều khiển khách thể để kết quả nghiên cứu phù hợp với mục đích của đề tài	63	26,9	144	61,5	27	11,5
Nhận xét, đánh giá kết quả NC theo kế hoạch đã vạch ra và kịp thời uốn nắn	80	34	138	58,7	17	7,2
Tổ chức hoạt động NC của bản thân trong mối quan hệ với khách thể NC	65	27,7	153	65,1	17	7,2
Tổ chức thông tin trong quá trình thông báo kết quả NC cho người khác	69	9,4	142	60,4	24	10,2
Thành phần tổ chức NC	25	10,7	162	68,9	47	20,1

Phân tích kết quả thu được chúng tôi nhận thấy, phần lớn học viên sau đại học đánh giá mình ở mức độ B (68,9%). Rất ít học viên cho rằng kỹ năng tổ chức nghiên cứu của họ ở mức C.

Tóm lại, căn cứ vào kết quả khảo sát về 5 thành phần trong kỹ năng NCKH của học viên trong phạm vi nghiên cứu nêu trên, chúng tôi nhận thấy rằng: *kỹ năng NCKH của học viên sau đại học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đạt ở mức độ B* (biết làm, thực hiện các công việc và tiến hành các thao tác còn lúng túng).

3.2. Thực trạng kết quả rèn luyện kỹ năng NCKH của học viên sau đại học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

3.2.1. Số lượng các bài viết đã được đăng tải trên các báo, tạp chí và tham gia hội thảo ở các cấp

Theo số liệu điều tra của chúng tôi năm 2007 trên mẫu là 235 học viên cao học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, có 275 bài viết được đăng trên các báo, tạp chí.

Phân tích sâu hơn về số lượng các bài đăng báo, tạp chí thì thấy số lượng các bài viết không đồng đều nhau ở các khoa, các khoá. Các bài viết phần lớn tập trung ở các khoa như ngôn ngữ, văn học, lịch sử... và phần lớn

học viên viết bài là cán bộ của Trường hay cán bộ nghiên cứu của các Viện nghiên cứu. Có nhiều học viên trong suốt khoá học không có bài viết nào đăng báo, tạp chí hay các bài viết tham gia hội thảo.

Về các bài viết tham gia hội thảo ở các cấp của học viên hai khoá 2005 và 2006 chỉ tổng cộng có 76 bài. Về chất lượng các bài tham gia hội thảo, theo đánh giá của Hội đồng thẩm định về chuyên môn của nhà Trường, thì cơ bản đạt ở mức khá. Số bài đạt chất lượng cao còn rất ít.

So sánh đơn thuần giữa các bài viết đăng trên báo, tạp chí và bài tham gia hội thảo thì thấy tỷ lệ các bài được đăng tải so với số bài tham gia hội thảo của học viên cao học là 76/275, sắp xỉ 27%. Bên cạnh đó, chất lượng các bài viết cũng còn nhiều hạn chế.

Như vậy, có thể thấy rằng, kỹ năng NCKH cho học viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn còn nhiều hạn chế, cần phải tổ chức rèn luyện nhiều hơn.

3.2.2. Về hoạt động nghiên cứu các đề tài, chuyên đề khoa học

Qua khảo sát, trong số 235 học viên cao học chỉ có 137 học viên tham gia đăng ký đề tài và những đề tài đăng ký tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thì chỉ có học viên là cán bộ của Trường. Còn học viên từ các Viện nghiên cứu thì họ thường tham gia nghiên cứu tại cơ quan của họ. Đây cũng là một hạn chế trong công tác quản lý đào tạo sau đại học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Nguyên nhân của thực trạng

3.3.1. Nguyên nhân từ phía học viên

Qua điều tra, phỏng vấn sâu, học viên đều nhận thức rõ ý nghĩa và giá trị thiết thực của hoạt động NCKH. Nó có tác động trực tiếp đến phương pháp học sau đại học, đến quá trình thu nhận, xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề trong quá trình học tập, nghiên cứu, đặc biệt là khi bắt tay vào viết tiểu luận, chuyên đề, luận văn, luận án... Có 73,2% học viên cho rằng việc rèn luyện kỹ năng NCKH cho học viên sau đại học là rất cần thiết.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ học viên nhận thức chưa đầy đủ về việc rèn luyện kỹ năng NCKH.

"... Tôi cho rằng bản thân quá trình học sau đại học đã là rèn luyện rồi không nhất thiết phải tham gia NCKH" - (Học viên nữ, khoa Văn học).

"Theo tôi, mỗi lần viết thu hoạch, tiểu luận là một lần rèn luyện rồi, có nhất thiết cứ phải nghiên cứu đề tài, chuyên đề mới là rèn không" - (Học viên nam, khoa Khoa học quản lý).

" ... Tôi cho rằng không nhất thiết học sau đại học là phải tham gia NCKH vì theo qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì học viên cao học không cần có bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành, không cần có đề tài vẫn được xét tốt nghiệp, chỉ trừ các học viên là NCS" – (Học viên nam, khoa Lịch sử).

- Học viên không tham gia nghiên cứu khoa học chủ yếu là do kỹ năng nghiên cứu khoa học của họ còn hạn chế. 43,7% số học viên được hỏi cho rằng vấn đề khó khăn nhất để thực hiện một đề tài NCKH là do kỹ năng NCKH.

3.3.2. Nguyên nhân từ phía các nhà quản lý

Việc tổ chức NCKH trong nhà trường những năm gần đây được tiến hành có nề nếp hơn. NCKH đã trở thành một trong những nội dung thi đua của nhà trường. Nội dung, hướng nghiên cứu đa dạng, phong phú, kết hợp được giữa nghiên cứu lý thuyết với thực tiễn, gắn với các chuyên ngành đào tạo, nên đã phát huy tốt thế mạnh của từng cán bộ trong nhà trường.

Tuy nhiên, việc tổ chức rèn luyện kỹ năng NCKH cho học viên sau đại học chưa được nhà trường quan tâm đúng mức. Các khoa, các bộ môn trực thuộc không phổ biến rộng rãi tới toàn thể học viên về hoạt động này. Học viên chỉ nghiên cứu khi có yêu cầu bắt buộc như làm tiểu luận hay báo cáo chuyên đề chẳng hạn.

Vấn đề đầu tư kinh phí, thời gian và đảm bảo tài liệu cho nghiên cứu còn nhiều bất cập. Qua kết quả khảo sát cho thấy có 37,5% số học viên cho rằng có khó khăn về kinh phí, tài liệu và thời gian cho nghiên cứu.

3.3.3. Nguyên nhân từ phía giảng viên

Trước đây, công tác NCKH của học viên sau đại học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chưa được coi trọng. Vì vậy, cán bộ giảng dạy ít chú ý đến mảng hoạt động này. Không ít cán bộ giảng dạy tỏ ra thờ ơ với nhiệm vụ hướng dẫn học viên tham gia NCKH và còn duy trì một phong cách giảng dạy ít tích cực, nặng về cách truyền thụ một chiều, độc thoại.

Thực tế trên khiến cho việc tổ chức - thiết kế một qui trình rèn luyện kỹ năng NCKH cho học viên sau đại học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, với tính chất là một hoạt động bắt buộc trong chương trình đào tạo, đã thực sự trở thành một đòi hỏi cấp bách và thiết yếu.

Để rèn luyện kỹ năng NCKH cho học viên có hiệu quả, nhà trường cần phải thực hiện đồng bộ ba nhóm giải pháp: Nhóm giải pháp đối với công tác quản lý, lãnh đạo; nhóm giải pháp đối với giảng viên và nhóm giải pháp đối với học viên. Trong đó, nhóm giải pháp đối với học viên là trọng tâm, biến quá trình tổ chức thành quá trình tự tổ chức hoạt động NCKH của học viên. Chỉ có như vậy việc rèn luyện kỹ năng NCKH mới có hiệu quả và phát huy tác dụng.